

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỜ ĐỎ  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HẠ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-12-2020

V/v: “Ly hôn giữa chị H  
và anh Hg”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HẠ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Thành Sang**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Xuân Quỳ**

2. Ông **Lương Hùng Dũng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trịnh Thị H**, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, xã Tr, huyện C, TP.Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Thanh Hg**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, xã Tr, huyện C, TP.Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:**

- Về hôn nhân: Vào năm 1999 được sự đồng ý của cha, mẹ gia đình hai bên nên chị và anh Lê Thanh Hg đã cưới nhau, đến ngày 17/12/2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với nhau tại ấp Th, xã Tr, huyện C, thành phố Cần Thơ và sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dù chuyện rất nhỏ. Khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng đã có

gắng hàn gắn nhưng không thành. Đến đầu năm 2020 do mâu thuẫn quá trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay, hai bên đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân như thế không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Hg.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Thị Trúc L (nữ), sinh ngày 09/01/2000. Trúc L đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Lê Thanh Hg không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H.**

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Trịnh Thị H khởi kiện anh Lê Thanh Hg có địa chỉ tại ấp Th, xã Tr, huyện C, thành phố Cần Thơ với yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Khi tiến hành xét xử, anh Lê Thanh Hg được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hg theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Lê Thanh Hg cưới nhau vào năm 1999, đến năm 2010 đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị có giá trị pháp lý. Trong thời kỳ hôn nhân, chị H khai, chị và anh Hg sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Đến đầu năm 2020 do mâu thuẫn quá trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay, hai bên đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân như thế không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Hg. Còn anh Lê Thanh Hg, mặc dù đã được triệu tập đến Tòa án nhiều lần để giải quyết,

nhưng anh vẫn không đến và cũng không có bất cứ văn bản nào gửi cho Tòa án để nêu ý kiến của mình. Như vậy, anh Hg đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân muốn đem lại hạnh phúc lâu dài cho cả hai vợ chồng và các con sau này thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Tuy nhiên cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh Hg có quá nhiều mâu thuẫn, bất Ha không thể hàn gắn, từ khi ly thân cho đến nay, hai bên đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và tình cảm vợ chồng cũng không còn. Điều này cho thấy, đời sống chung giữa chị H và anh Hg không thể kéo dài, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Ngoài ra, anh Hg cũng không đến Tòa án để thể hiện ý kiến được hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.2] Về con chung: Con chung tên Lê Thị Trúc L đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.4] Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trịnh Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H đối với anh Lê Thanh Hg.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Lê Thanh Hg.

1.2. Về con chung: Con chung tên Lê Thị Trúc L (nữ), sinh ngày 09/01/2000 đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

1.4. Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 013318 ngày 07 tháng 10 năm 2020 thành án phí.

3. Tuyên án công khai. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ;
- PHNg Tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thành Sang**

